

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 02-5-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ

2. Ông Nguyễn Hữu Cương

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2018/TLST-HNGĐ ngày 17-12-2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Dương Thị Bé T**, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 03, khu phố A, thị trấn B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại: 0913.....

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 03, khu phố A, thị trấn Thứ B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại: 0913.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/11/2018, biên bản hòa giải ngày 23/01/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dương Thị Bé T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh H cưới nhau năm 2004 có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Thứ B cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân phát sinh từ những việc nhỏ nhặt trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cụ thể như trong nuôi dạy các con vợ chồng không cùng chung quan điểm, kinh tế gia đình vợ chồng không làm chung với nhau mà mỗi người đều tự làm và tự lo cho cuộc sống của mình, riêng từ năm 2016 đến nay chị phải tự lo cho các con, còn anh H chỉ làm nuôi sống bản thân mình. Do các con còn nhỏ nên chị cố gắng nhẫn nhịn để chung sống, cho đến ngày 01/11/2018 vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi nhau nhiều hơn làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều nên chị và anh H đã thật sự ly thân nhau từ đó đến nay.

Về con: Vợ chồng có 03 đứa con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh ngày 23/9/2005, Nguyễn Thị Như A2, sinh ngày 26/02/2011 và Nguyễn Dương Duy M, sinh ngày 03/3/2018 hiện chị đang trực tiếp nuôi.

Về tài sản: Vợ chồng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh H;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi 03 đứa con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh ngày 23/9/2005, Nguyễn Thị Như A2, sinh ngày 26/02/2011 và Nguyễn Dương Duy M, sinh ngày 03/3/2018, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn.
3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại tờ tự khai ngày 10/01/2019 và biên bản hòa giải ngày 23/01/2019 và trong quá trình xét xử bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày: Về thời gian anh và Dương Thị Bé T sống với nhau, anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Thứ B cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ việc nuôi dạy con cái, kinh tế gia đình nên vợ chồng thường hay cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đến ngày 01/11/2018 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nên vợ chồng đã thật sự ly thân nhau từ đó đến nay.*

Về con: Vợ chồng có 03 đứa con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh ngày 23/9/2005, Nguyễn Thị Như A2, sinh ngày 26/02/2011 và Nguyễn Dương Duy M, sinh ngày 03/3/2018 hiện Bé T đang trực tiếp nuôi.

Về tài sản: Vợ chồng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay theo yêu cầu của T, anh có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Dương Thị Bé T, lý do anh còn thương các con, không còn thương Dương Thị Bé T;

Nếu Tòa án giải quyết cho T ly hôn với anh thì anh có ý kiến như sau:

2. Về quan hệ nuôi con chung: Đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh ngày 23/9/2005, Nguyễn Thị Như A2, sinh ngày 26/02/2011 và Nguyễn Dương Duy M, sinh ngày 03/3/2018 cho T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T sau khi vợ chồng ly hôn.

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn chị Dương Thị Bé T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên, đồng thời có bổ sung lý do không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ điều kiện để nuôi 03 đứa con chung, hiện tại làm nghề thiết kế áo dài thu nhập ổn định mỗi tháng 15.000.000 đồng.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh H vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn Dương Thị Bé T trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn Nguyễn Thanh H trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H; về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh ngày 23/9/2005, Nguyễn Thị Như A2, sinh ngày 26/02/2011 và Nguyễn Dương Duy M, sinh ngày 03/3/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T sau khi vợ chồng ly hôn; về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: không có tranh chấp, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như giấy triệu tập cho bị đơn anh Nguyễn Thanh H, nhưng anh H vắng mặt không có lý do, nên HĐXX phải hoãn phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho anh H, nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị Bé T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên hòa giải ngày 23/01/2019, nguyên đơn chị T và bị đơn anh H thống nhất với nhau về mâu thuẫn vợ chồng, tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản và nợ. Thời điểm hai bên phát sinh mâu thuẫn và thời gian ly thân nhau. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Bé T và anh Nguyễn Thanh H khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Thới B, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận ký kết hôn vào ngày 08/4/2004. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng: Qua các chứng cứ thu thập được cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa và lời trình bày thừa nhận của các đương sự xác định được, quá trình chung sống giữa chị T và anh H đã phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong một thời gian dài, và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ ngày 01/11/2018 đến nay. Bản thân anh H tuy không đồng ý ly hôn với chị T, nhưng anh lại thừa nhận không còn tình cảm với chị T và nguyên nhân dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ việc nuôi dạy con cái, kinh tế gia đình làm cho vợ chồng hay cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng vẫn không có kết quả, chị T vẫn cương quyết xin ly hôn với anh H.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh H là có thật, cụ thể hai bên có xảy ra cãi nhau vài lần, sau đó chị T thuê nhà trọ sống cùng các con từ ngày 01/11/2018 đến nay, còn anh H vẫn sống tại căn nhà cũ của vợ chồng (Bút lục số 31, 34, 35).

Từ những phân tích trên cho thấy, hôn nhân giữa chị T và anh H không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nuôi con chung: Tại phiên hòa giải, giữa nguyên đơn chị T và bị đơn anh H cùng thống nhất xác định, vợ chồng có 03 đứa con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh ngày 23/9/2005, Nguyễn Thị Như A2, sinh ngày 26/02/2011 và Nguyễn Dương Duy M, sinh ngày 03/3/2018, hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh thì anh cũng đồng ý theo ý kiến chị T nêu ra về việc sau khi vợ chồng ly hôn, giao con Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh ngày 23/9/2005, Nguyễn Thị Như A2, sinh ngày 26/02/2011 và Nguyễn Dương Duy M, sinh ngày 03/3/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, đồng thời hiện nay chị T có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng 03 đứa con chung, do đó anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Đồng thời, cháu Nguyễn Thị Mỹ A1 và Nguyễn Thị Như A2 cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (chị T và anh H) ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T và cho đến tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, còn bị đơn anh H cũng không thể hiện ý kiến thay đổi gì lời trình bày trước đây. Vì vậy, xét yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con của chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh ngày 23/9/2005, Nguyễn Thị Như A2, sinh ngày 26/02/2011 và Nguyễn Dương Duy M, sinh ngày 03/3/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị và anh H ly hôn.

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn chị T và bị đơn anh H đã thống nhất xác định, vợ chồng không tranh chấp gì với nhau về tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị Bé T và anh Nguyễn Thanh H.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh ngày 23/9/2005, Nguyễn Thị Như A2, sinh ngày 26/02/2011 và Nguyễn Dương Duy M, sinh ngày 03/3/2018 cho chị Dương Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng (*đúng theo nguyện vọng của Nguyễn Thị Mỹ A1, Nguyễn Thị Như A2 và hiện Nguyễn Thị Mỹ A1, Nguyễn Thị Như A2, Nguyễn Dương Duy M đang sống với chị T*), anh H không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T sau khi vợ chồng ly hôn

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Dương Thị Bé T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006031 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 02/5/2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TTTB;
- Lưu (HSVA, VPTA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mỹ Linh